



a bottle
of milk
một bình sữa



a glass
of water
một ly thủy
tinh nước



a jug
of water
một bình nước



a cup
of tea
một chén/cốc trà



a packet
of tea
một gói trà



a jar
of honey
một hũ mật



a loaf
of bread
một ổ bánh mì



a slice
of bread
một lát bánh mì



a carton
of milk
một hộp các
tông sữa



a can
of Coke
một can coca



a bottle
of Coke
một chai coca



a bowl
of sugar
một bát đường



a kilo
of meat
một kilogram/cân
thịt



a bar
of soap
một cục/thanh
xà phòng



a bar
of chocolate
một thanh
socola



a piece
of chocolate
một miếng
socola



a piece
of cheese
một miếng
phô mai



a piece
of furniture
một đồ/một vật
nội thất

UNIT OF MEASUREMENTS - CONTAINERS OF FOOD

